

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn
và cơ cấu tổ chức của Chi cục Thủy lợi và Tài nguyên nước
trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Phú Thọ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017; Luật Đê điều ngày 29 tháng 11 năm 2006; Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013; Luật Khí tượng thủy văn ngày 23 tháng 11 năm 2015; Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều ngày 17 tháng 6 năm 2020; Luật Tài nguyên nước ngày 27 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Thông tư số 19/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về Nông nghiệp và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Thủy lợi và Tài nguyên nước trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Phú Thọ.

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Chi cục Thủy lợi và Tài nguyên nước là tổ chức hành chính trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường, giúp Giám đốc Sở tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước chuyên ngành và tổ chức thực thi pháp luật về thủy lợi, đê điều và phòng, chống thiên tai, tài nguyên nước, khí tượng thủy văn theo quy định của pháp luật.

2. Chi cục Thủy lợi và Tài nguyên nước có tư cách pháp nhân, có con dấu và có tài khoản riêng; chịu sự chỉ đạo, quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường theo quy định của pháp luật; đồng thời chịu sự hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của cơ

quan chuyên môn trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

3. Trụ sở làm việc: Số 326, đường Nguyễn Tất Thành, phường Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Tham mưu, giúp Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh liên quan đến lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Chi cục và các văn bản khác theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Dự thảo kế hoạch phát triển lĩnh vực; chương trình, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về lĩnh vực trên địa bàn tỉnh trong phạm vi quản lý của Chi cục;

c) Dự thảo quyết định thực hiện xã hội hóa các hoạt động cung ứng dịch vụ sự nghiệp công theo lĩnh vực thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Tham mưu, giúp Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo các văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo phân công.

3. Tham mưu, giúp Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường trình cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy trình, quy phạm, định mức kinh tế - kỹ thuật về chuyên ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý.

4. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy trình, quy phạm, định mức kinh tế - kỹ thuật về công tác thủy lợi, đề điều và phòng, chống thiên tai, tài nguyên nước, khí tượng thủy văn đã được phê duyệt; thông tin tuyên truyền, phổ biến pháp luật về chuyên ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý.

5. Trình Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường ban hành hoặc trình ban hành theo thẩm quyền các văn bản cá biệt về chuyên ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý.

6. Tổ chức thực hiện công tác điều tra, thống kê và quản lý cơ sở dữ liệu về lĩnh vực thủy lợi, đề điều và phòng, chống thiên tai, tài nguyên nước, khí tượng thủy văn trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

7. Về thủy lợi:

a) Tham mưu, giúp Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện: quyết định phê duyệt, công bố kết quả điều tra cơ bản thủy lợi, quy trình vận hành công trình thủy lợi thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh; quyết định giao tổ chức quản lý hoặc phân cấp quản lý công trình thủy lợi (bao gồm công trình thủy lợi mà việc khai thác và bảo vệ liên quan đến 02 tỉnh trở lên theo Danh mục phân

giao quản lý công trình thủy lợi do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành), công trình cấp nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật; quy định cụ thể phạm vi vùng phụ cận, phương án cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi; phê duyệt phương án ứng phó thiên tai trong quá trình thi công, phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp đối với đập, hồ chứa nước; phương án huy động lực lượng, vật tư, phương tiện bảo vệ công trình thủy lợi khi xảy ra sự cố hoặc có nguy cơ xảy ra sự cố; quy mô thủy lợi nội đồng; kinh phí đầu tư xây dựng, quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi, công trình cấp nước sạch nông thôn do địa phương quản lý;

b) Tham mưu, giúp Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt hoặc phân cấp phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước (bao gồm đập, hồ chứa nước do Bộ Nông nghiệp và Môi trường quản lý), công trình thủy lợi khác theo thẩm quyền trên địa bàn tỉnh; cấp, cấp lại, gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ, thu hồi giấy phép cho các hoạt động trong lĩnh vực thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định;

c) Chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan tại địa phương tham mưu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh định giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi; sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác theo quy định;

d) Chủ trì xây dựng phương án phát triển mạng lưới thủy lợi, cấp nước sạch nông thôn theo quy định của pháp luật; các nội dung liên quan đến thủy lợi, cấp nước sạch nông thôn trong quy hoạch tỉnh, quy hoạch thủy lợi và quy hoạch ngành quốc gia theo quy định;

đ) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật và của Ủy ban nhân dân tỉnh về phân cấp quản lý các hồ chứa nước, công trình thủy lợi, công trình cấp nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh; hướng dẫn, kiểm tra việc xây dựng, khai thác, sử dụng và bảo vệ các hồ chứa nước, công trình thủy lợi, công trình cấp nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh thuộc nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân tỉnh; tổ chức thực hiện Chiến lược quốc gia về cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn trên địa bàn tỉnh theo phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh;

e) Tiếp nhận và quản lý hồ sơ, giấy phép các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh trên địa bàn; tổ chức thực hiện việc quản lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi, cấp nước sạch nông thôn; thống kê, xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu về thủy lợi theo quy định của pháp luật và phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh;

g) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định quản lý nhà nước về quản lý, khai thác và bảo vệ, bảo đảm an toàn công trình thủy lợi, công trình cấp nước sạch nông thôn;

h) Hướng dẫn, kiểm tra công tác tưới, tiêu, thoát nước phục vụ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh theo quy định;

i) Theo dõi, giám sát, quan trắc diễn biến bồi lắng, xói lở công trình thủy lợi; hướng dẫn, quản lý việc tổ chức thực hiện khai thác, sử dụng tổng hợp, tiết kiệm, an

toàn, có hiệu quả nguồn nước từ các công trình thủy lợi; hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý vận hành, điều tiết nguồn nước của các hệ thống công trình thủy lợi; bảo đảm cung cấp nước sạch phục vụ sinh hoạt trong thực hiện phòng, chống, khắc phục hậu quả hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, sa mạc hóa, ngập lụt, úng trên địa bàn tỉnh; tổ chức quan trắc, dự báo, cảnh báo về hạn hán, xâm nhập mặn, ngập lụt, úng, số lượng, chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh;

k) Chủ trì xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh về cơ chế, chính sách, hướng dẫn thực hiện phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng, tưới tiên tiến, tiết kiệm nước; cấp nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

8. Về đề điều và phòng, chống thiên tai:

a) Tham mưu, giúp Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện: kế hoạch phòng, chống thiên tai; quy hoạch, kế hoạch đầu tư xây dựng công trình phòng, chống thiên tai của địa phương theo phân công; tiêu chuẩn, định mức sử dụng vật tư, phương tiện, trang thiết bị chuyên dùng phòng, chống thiên tai; tiêu chí bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai đối với công trình, nhà ở thuộc quyền sở hữu của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh; quyết định về tổ chức xây dựng, quản lý, khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu, hệ thống quan trắc, theo dõi, giám sát chuyên dùng phòng, chống thiên tai; quyết định phê duyệt, công bố kết quả điều tra cơ bản về phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh; quyết định về lực lượng chuyên trách quản lý đề điều, lực lượng quản lý đề nhân dân; chế độ, chính sách đối với lực lượng quản lý đề nhân dân, lực lượng tuần tra, canh gác đề; cấp phép đối với các hoạt động liên quan đến đề điều; sử dụng bãi sông, bãi nổi liên quan đến thoát lũ và đề điều; chấp thuận việc xây dựng, cải tạo công trình giao thông có liên quan đến đề điều; quyết định phê duyệt các phương án hộ đề;

b) Tham mưu thực hiện lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; quản lý thực hiện quy hoạch theo pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn đối với khu đô thị, điểm dân cư nông thôn, công trình hạ tầng kỹ thuật và quy hoạch sản xuất thích ứng với đặc điểm thiên tai trên địa bàn, bảo đảm phát triển bền vững; tổ chức thường trực, chỉ huy công tác ứng phó thiên tai; kiểm tra, tổng hợp, thông kê, đánh giá, báo cáo, công bố số liệu thiệt hại do thiên tai gây ra; thực hiện biện pháp bảo vệ sản xuất khi xảy ra thiên tai để giảm nhẹ thiệt hại, nhanh chóng phục hồi sản xuất;

c) Tham mưu, giúp Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án ứng phó thiên tai; quyết định công bố tình huống khẩn cấp về thiên tai trên địa bàn theo phân công; quyết định phân lũ, làm chậm lũ để hộ đề theo thẩm quyền;

d) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện quy hoạch phòng, chống lũ của tuyến sông có đề, quy hoạch đề điều và phương án phòng, chống lũ của các tuyến sông có đề, phương án phát triển hệ thống đề điều trong quy hoạch tỉnh, đầu tư xây dựng, tu bổ, nâng cấp và kiên cố hóa, duy tu, bảo dưỡng đề điều, quản lý và bảo đảm an toàn

đề điều theo quy định của pháp luật và phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh;

d) Hướng dẫn, tổ chức thực hiện việc đánh giá hiện trạng đề điều, xác định trọng điểm xung yếu đề điều; kiểm tra xây dựng, triển khai phương án hộ đề, công tác hộ đề, bảo đảm an toàn đề điều; tổng hợp, quản lý thông tin, dữ liệu về đề điều trong phạm vi của tỉnh;

e) Hướng dẫn, kiểm tra việc đầu tư xây dựng, duy tu, bảo dưỡng, vận hành và bảo vệ công trình phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật và phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh;

g) Tuyên truyền, phổ biến nội dung bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai đối với việc quản lý, vận hành, sử dụng khu khai thác khoáng sản và khu khai thác tài nguyên thiên nhiên khác; khu đô thị; điểm du lịch, khu du lịch; khu công nghiệp; khu di tích lịch sử; điểm dân cư nông thôn và công trình;

h) Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật về cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình đề điều; xây dựng kế hoạch, biện pháp thực hiện việc di dời công trình, nhà ở liên quan tới phạm vi bảo vệ công trình đề điều và bãi sông theo quy định.

9. Về tài nguyên nước

a) Tham mưu, giúp Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc xác định và công bố vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt đối với công trình có phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt; lập, công bố, điều chỉnh danh mục hồ, ao không được san lấp;

b) Tham mưu, giúp Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, điều chỉnh danh mục nguồn nước mặt nội tỉnh; danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ trên địa bàn; danh mục vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất; danh mục đập, hồ chứa phải xây dựng quy chế phối hợp vận hành; phương án bổ sung nhân tạo nước dưới đất; phân vùng chức năng đối với các nguồn nước mặt nội tỉnh; công bố dòng chảy tối thiểu trên sông, suối nội tỉnh và dòng chảy tối thiểu ở hạ lưu đập, hồ chứa theo thẩm quyền;

c) Tham mưu, giúp Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và tổ chức thực hiện phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống, khắc phục tác hại do nước gây ra trong quy hoạch tỉnh; kế hoạch khai thác, sử dụng tài nguyên nước; phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước; kế hoạch bảo vệ nước dưới đất; quy chế phối hợp vận hành giữa các đập, hồ chứa trên sông, suối;

d) Tiếp nhận, thẩm định, giúp Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại, chấp thuận trả lại, tạm dừng, đình chỉ, thu hồi giấy phép khai thác tài nguyên nước, giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất; phê duyệt, điều chỉnh, truy thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; chấp thuận về phương án chuyển nước lưu vực sông;

đ) Tổ chức thực hiện phương án điều hòa, phân phối tài nguyên nước; giám sát các hoạt động khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra; tổ chức ứng phó, khắc phục sự cố ô nhiễm nguồn nước; theo dõi, phát hiện và tham gia giải quyết sự cố ô nhiễm nguồn nước liên quốc gia theo thẩm quyền; tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ, phòng, chống sạt, lở lòng, bờ, bãi sông; tổ chức điều tra, đánh giá quan trắc, giám sát diễn biến dòng chảy, bồi lắng, xói lở lòng, bờ, bãi sông; thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước theo phân cấp; kiểm kê, thống kê, lưu trữ số liệu tài nguyên nước trên địa bàn; xác định các nguồn nước bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm;

e) Xác định và cập nhật mốc chỉ giới hành lang bảo vệ nguồn nước trên bản đồ địa chính hoặc bản đồ hiện trạng sử dụng đất và đưa vào kế hoạch sử dụng đất; tiếp nhận, thẩm định phương án cấm mốc chỉ giới hành lang bảo vệ nguồn nước của hồ chứa thủy điện; hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc trám lấp giếng không sử dụng theo quy định của pháp luật;

g) Tổ chức quản lý và thực hiện việc quan trắc tài nguyên nước đối với mạng quan trắc tài nguyên nước của địa phương và hệ thống giám sát hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước của địa phương (nếu có); cung cấp, chia sẻ, cập nhật các thông tin, dữ liệu về tài nguyên nước và dữ liệu khác có liên quan trong phạm vi quản lý vào Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia;

h) Tổ chức đăng ký khai thác nước mặt; đăng ký sử dụng mặt nước, đào hồ, ao, sông, suối, kênh, mương, rạch; hướng dẫn việc kê khai, đăng ký khai thác, sử dụng tài nguyên nước; cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại, chấp thuận trả lại, đình chỉ hiệu lực, thu hồi giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất theo thẩm quyền;

i) Tổ chức lấy ý kiến đại diện cộng đồng dân cư, tổ chức, cá nhân liên quan về tác động của công trình khai thác nước theo quy định của pháp luật;

k) Tổ chức xác định ranh giới vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt trên thực địa theo quy định;

l) Thẩm định, nghiệm thu kết quả hoạt động điều tra cơ bản tài nguyên nước đối với các dự án do Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện theo quy định.

10. Về khí tượng thủy văn

a) Tham mưu, giúp Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, đình chỉ, chấm dứt hiệu lực, thu hồi, cấp lại giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn đối với các tổ chức, cá nhân thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Tham mưu, giúp Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định mực nước tương ứng với các cấp báo động lũ tại các vị trí thuộc địa bàn quản lý;

c) Giúp Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức theo dõi, giám sát việc tác động vào thời tiết trong địa giới

hành chính của tỉnh; chủ trì, phối hợp với cơ quan quân sự, công an cùng cấp, Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan có liên quan tổ chức thẩm định kế hoạch tác động vào thời tiết trong địa giới hành chính của tỉnh đối với các trường hợp được tác động vào thời tiết theo quy định;

d) Giúp Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thẩm định, giám sát việc trao đổi thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn, giám sát biến đổi khí hậu với tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân nước ngoài không thuộc điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên đối với thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn, giám sát biến đổi khí hậu trong địa giới hành chính của tỉnh;

đ) Chủ trì thẩm định các dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình khí tượng thủy văn chuyên dùng;

e) Thẩm định tiêu chuẩn kỹ thuật của công trình, thiết bị đo của công trình khí tượng thủy văn chuyên dùng, thiết bị quan trắc, định vị sét do địa phương xây dựng bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật;

g) Tổ chức bảo vệ công trình khí tượng thủy văn thuộc phạm vi quản lý; phối hợp với các cơ quan, đơn vị ở trung ương và địa phương trong việc bảo vệ, giải quyết các vi phạm hành lang kỹ thuật công trình khí tượng thủy văn của trung ương trên địa bàn;

h) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan lập kế hoạch phát triển mạng lưới trạm quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng phục vụ nhu cầu khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn trong phát triển kinh tế - xã hội và phòng, chống thiên tai ở địa phương; tổ chức thực hiện kế hoạch, theo dõi việc thành lập, di chuyển, giải thể trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng;

i) Tổ chức kiểm tra việc thực hiện tiếp nhận và truyền, phát tin dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn trên địa bàn, phạm vi quản lý;

k) Đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các quy định về quan trắc khí tượng thủy văn và cung cấp thông tin khí tượng thủy văn liên quan đến vận hành của chủ công trình phải quan trắc khí tượng thủy văn theo quy định của pháp luật;

l) Theo dõi, đánh giá việc khai thác, sử dụng tin dự báo, cảnh báo thiên tai khí tượng thủy văn phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, phòng, chống thiên tai trên địa bàn; thẩm định, thẩm tra, đánh giá việc khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn trong các công trình, chương trình, quy hoạch, kế hoạch, dự án phát triển kinh tế - xã hội;

m) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra, đôn đốc theo thẩm quyền các hoạt động quan trắc, dự báo, cảnh báo và thực hiện các biện pháp phát triển hoạt động khí tượng thủy văn trên địa bàn.

11. Thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số về chuyên ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý.

12. Thực hiện nhiệm vụ quản lý đầu tư xây dựng và quản lý chất lượng công

trình chuyên ngành theo quy định của pháp luật; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư việc thực hiện đầu tư xây dựng các dự án và xây dựng mô hình thủy lợi, cấp nước sạch nông thôn, đề điều, phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh; chịu trách nhiệm thực hiện các chương trình, dự án được giao.

13. Tham mưu, thực hiện nhiệm vụ cơ quan thường trực về công tác phòng, chống thiên tai; nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn và nhiệm vụ thường trực công tác khác theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh và quy định của pháp luật.

14. Tham mưu, tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về giám định, đăng kiểm, đăng ký, cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi giấy phép, giấy chứng nhận, xác nhận, quyết định công nhận, chứng chỉ hành nghề thuộc phạm vi quản lý của Chi cục theo quy định của pháp luật, phân công, ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh và hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; chủ trì tham mưu, trình Ủy ban nhân dân hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân thực hiện việc phân cấp thẩm quyền, ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường với Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thuộc phạm vi lĩnh vực quản lý.

15. Quản lý các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân, các hội và các tổ chức phi chính phủ hoạt động thuộc phạm vi lĩnh vực quản lý theo quy định của pháp luật.

16. Quản lý hoạt động của các đơn vị sự nghiệp trong và ngoài công lập thuộc phạm vi lĩnh vực quản lý theo quy định pháp luật.

17. Tổ chức thực hiện các hoạt động hợp tác quốc tế về thủy lợi, đề điều và phòng, chống thiên tai, tài nguyên nước và khí tượng thủy văn theo quy định.

18. Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về lĩnh vực quản lý đối với cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã.

19. Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật và công nghệ, đổi mới sáng tạo về chuyên ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh; trình Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất, đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật.

20. Thực hiện công tác kiểm tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và xử lý vi phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý của Chi cục theo quy định của pháp luật hoặc phân cấp, ủy quyền của Sở. Thực hiện chương trình cải cách hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Chi cục theo quy định. Thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước được giao theo quy định của Sở Nông nghiệp và Môi trường, cơ quan chuyên môn trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

21. Quản lý tổ chức bộ máy, biên chế công chức, ngạch công chức và xếp ngạch công chức, vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập; thực hiện chế độ tiền lương và chính sách, chế độ đãi ngộ, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật đối với công

chức, viên chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật.

22. Quản lý và chịu trách nhiệm về tài chính, tài sản được giao theo quy định của pháp luật và phân công, phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh.

23. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường giao.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức

1. Lãnh đạo Chi cục:

a) Lãnh đạo Chi cục có Chi cục trưởng và các Phó Chi cục trưởng.

b) Chi cục trưởng là người đứng đầu Chi cục, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Chi cục;

c) Phó Chi cục trưởng là người được Chi cục trưởng phân công chỉ đạo thực hiện một hoặc một số lĩnh vực công tác, chịu trách nhiệm trước Chi cục trưởng và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công. Khi Chi cục trưởng vắng mặt, Phó Chi cục trưởng được Chi cục trưởng ủy quyền điều hành hoạt động của Chi cục;

d) Việc đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cho từ chức, thôi giữ chức vụ, điều động, luân chuyển, biệt phái, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu, thực hiện chính sách đối với Chi cục trưởng, Phó Chi cục trưởng thực hiện theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức của Ủy ban nhân dân tỉnh và các quy định hiện hành.

2. Phòng chuyên môn, nghiệp vụ trực thuộc:

a) Phòng Hành chính - Tổng hợp;

b) Phòng Quản lý công trình thủy lợi và nước sạch nông thôn;

c) Phòng Quản lý Tài nguyên nước;

d) Phòng Quản lý đê điều, phòng, chống thiên tai và Khí tượng thủy văn.

3. Các đơn vị trực thuộc:

a) Hạt quản lý đê Việt Trì;

b) Hạt quản lý đê Lâm Thao, Phú Thọ;

c) Hạt quản lý đê Tam Thanh;

d) Hạt quản lý đê Hòa Bình;

đ) Hạt quản lý đê Vĩnh Phúc.

Điều 4. Biên chế

1. Biên chế của Chi cục Thủy lợi và Tài nguyên nước được xác định trên cơ sở vị trí việc làm được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và nằm trong tổng số biên chế công chức, biên chế sự nghiệp trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập của Sở Nông nghiệp và Môi trường được Ủy ban nhân dân tỉnh giao hằng năm.

2. Căn cứ chức năng nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và danh mục vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, hạng chức danh nghề nghiệp viên chức được cấp có thẩm quyền phê duyệt; hằng năm Chi cục rà soát, báo cáo số lượng công chức, số lượng người làm việc trình Sở Nông nghiệp và Môi trường xây dựng kế hoạch biên chế, số lượng người làm việc, đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

Điều 5. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành. Quyết định số 25/2025/QĐ-UBND ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Thủy lợi và Khí tượng thủy văn thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Phú Thọ; Quyết định số 639/QĐ-UBND ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình về Quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Quản lý Tài nguyên nước và Thủy lợi trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Hòa Bình hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nội vụ, Nông nghiệp và Môi trường; Chi cục trưởng Chi cục Thủy lợi và Tài nguyên nước; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Trần Duy Đông